TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67 /2017/DS-ST
Ngày: 12/9/2017
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Như Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

2. Bà **Trần Thị Xuân Lưu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhi** - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên lương tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2017/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn: 1/. Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1979 (có mặt)

2/. Chị **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1980 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 652, Quốc Lộ 80, khu phố N, thị trấn KL, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đồng bị đơn: 1/. Anh **Trần Đăng K**, sinh năm 1987 (có mặt)

2/. Chị **Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 628, Quốc Lộ 80, khu phố N, thị trấn KL, huyện K, tỉnh Kiên

Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và chị Huỳnh Thị T trình bày: Giữa anh S và chị T với phía anh Trần Đăng K và chị Phạm Thị Thu H là chỗ quen biết, anh S và chị T có cho anh K vay tiền để kinh doanh dịch vụ cầm xe honda, cho vay nhiều lần với lãi suất 3%/tháng, việc vay không có làm biên nhận, đến ngày 01/01/2017 hai bên tổng kết ký xác nhận nợ vay với số tiền 142.000.000 đồng. Về lãi anh K có đóng được 13.000.000 đồng, đến ngày 25/12/2016 thì ngưng đóng lãi.

Theo đơn kiện anh S chị T yêu cầu anh K và chị H trả số tiền 142.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 3%/tháng, nhưng đến nay anh K và chị H có trả được 13.700.000 đồng nợ gốc, còn nợ 128.300.000 đồng, từ đó anh S chị T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, mà chỉ yêu cầu anh K và chị H trả nợ gốc 128.300.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 25/12/2016 đến khi kết thúc vụ án, yêu cầu trả một lần.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trần Đăng K trình bày: Anh K thừa nhận anh S và chị T trình bày việc anh vay nợ là đúng, anh có vay của anh S chị T nhiều lần tính đến ngày 01/01/2017 ký xác nhận nợ số tiền 142.000.000 đồng. Việc vay có lãi, anh đã đóng lãi cho chị T nhiều lần tổng cộng 13.000.000 đồng. Phần tiền gốc anh có trả được 13.700.000 đồng, còn nợ lại 128.300.000 đồng. Nay anh S chị T yêu cầu trả nợ gốc 128.300.000 đồng và trả lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 1.1.2007 cho đến nay thì anh cũng đồng ý, nhưng yêu cầu xem xét lại phần lãi anh đã đóng, còn nợ lại bao nhiêu thì anh xin trả 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có khả năng trả một lần.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 01/9/2017 của bị đơn chị Phạm Thị Thu Hg trình này: Chị có biết việc chồng chị là Trần Đăng K có vay và nợ tiền của chị T và anh S, chị đồng ý cùng chồng là anh K trả số nợ này và thống nhất theo mọi ý kiến và quyết định của anh K đưa ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giao dịch được thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực có nội dung phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thu H có đơn xin vắng mặt về phiên họp việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Việc anh Nguyễn Văn S và Huỳnh Thị T yêu cầu anh Trần Đăng K và chị Phạm Thị Thu H trả số tiền vay là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì phía ông K, bà H cũng thừa nhận có vay và còn nợ của anh S và chị T chưa trả, nên Hội đồng xét xử buộc ông K và chị H trả nợ cho anh S, chị T theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2005 là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa các bên khai và thừa nhận như sau: Ngày 1.8.2016 nguyên đơn cho bị đơn vay 142.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, anh K đã trả lãi đến ngày 1.1.2017 số tiền lãi là 13.000.000 đồng, sau đó không trả lãi cho đến nay. Ngày 1.1.2017 anh K trả tiền gốc 13.700.000 đồng, số còn lại cho đến nay chưa thanh toán.

Qua giải thích các quy định pháp luật, các bên đương sự thỏa thuận và đề nghị tòa án xem xét tính lại lãi suất đã trả và phải trả từ ngày 1.8.2016 cho đến ngày xét xử 12/9/2017 theo mức 1,6%/tháng. Trên cơ sở thỏa thuận và yêu cầu của các đương sự, số tiền lãi và gốc được tính cụ thể như sau:

Tiền lãi từ ngày 1.8.2016 đến ngày 1.1.2017 theo mức 1,6%/tháng thì số lãi phải trả là: (142.000.000đ x 1,6% x 5 tháng) = 11.360.000 đồng.

Tiền lãi đã giao 13.000.000đ – 11.360.000đ = 1.640.000 đồng là số tiền dư ra từ việc trả lãi nên được cộng vào số tiền trả nợ gốc cụ thể: 13.700.000đ + 1.640.000đ = 15.340.000 đồng.

Tiền gốc tính đến ngày 1.1.2017 còn lại là: 142.000.000đ – 15.340.000đ = 126.660.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 1.1.2017 đến ngày 12.9.2017 là 8 tháng 12 ngày trên số nợ gốc 126.660.000 đồng với số lãi: (126.660.000đ x 1,6%/tháng x 8 tháng 12 ngày) = 17.023.104 đồng.

Như vậy phía bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc 126.660.000đ và lãi 17.023.104đ, tổng cộng hai khoản là: 143.683.104 đồng.

Tại phiên tòa phía bị đơn xin trả chậm số tiền trên mỗi tháng 5.000.000 đồng, phía nguyên đơn không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn. Vì việc xem xét về thời gian, điều kiện Thi hành án là thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn bị buộc trả số tiền nợ nên phải chịu án phí là 7.184.155 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận yêu cầu nên được trả lại án phí tạm nộp là 3.550.000 đồng theo Biên lai số 1683 ngày 8/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử buộc anh Trần Đăng K và chị Phạm Thi Thu H có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn S và chị Huỳnh Thị T số tiền tiền **143.683.104 đồng** (***Một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn một trăm lẻ bốn đồng)***, trong đó gốc 126.660.000đ và lãi 17.023.104đ.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 144, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án..

Buộc anh Trần Đăng K và chị Phạm Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 7.184.155 đồng.

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn S và chị Huỳnh Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.550.000 đồng theo Biên lai số 0001683 ngày 8/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyền kháng cáo: Anh S, chị T và anh K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/9/2017). Chị Phạm Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kề từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Như Tám